

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC NAM BỘ, VIỆT NAM

My Trần Hương Trà^{1,*},
Trần Văn Đạt²

¹Trường Đại học Sài Gòn;

²Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

+Tác giả liên hệ • Email: huongtra@sgu.edu.vn

Article history

Received: 01/11/2025

Accepted: 08/12/2025

Published: 20/02/2026

Keywords

Assessment, learning outcomes, training program, educational management, standards for school principal

ABSTRACT

In the context of international integration, quality accreditation, and educational digital transformation, assessing program learning outcome attainment in master's programs in Educational Management is essential for improving the curriculum, teaching methods, and overall training quality. However, in practice, universities have not sufficiently focused on assessing graduates' attainment of the program learning outcomes (PLOs) of master's programs in Educational Management. Drawing on the Standards for School Principals, the study develops program objectives and PLOs of the master's degree in Educational Management; and conducts a survey to evaluate the attainment of these PLOs at universities in Southern Vietnam. On this basis, the study proposes some recommendations for universities in designing and updating PLOs to ensure the quality of master programs in Educational Management in the new context.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, Bộ GD-ĐT đã ban hành nhiều văn bản quy định về Chuẩn chương trình đào tạo (CTĐT), chuẩn đầu ra (CĐR), bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học, đồng thời triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam, nhấn mạnh yêu cầu mô tả rõ ràng, có thể đánh giá được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực nghề nghiệp đối với từng trình độ đào tạo (Thủ tướng Chính phủ, 2016; Bộ GD-ĐT, 2016, 2017). Điều này đặt ra yêu cầu các cơ sở đào tạo không chỉ xây dựng CĐR phù hợp mà còn phải thường xuyên đánh giá mức độ đạt CĐR của người học sau tốt nghiệp, coi đó là một chỉ báo quan trọng về chất lượng và hiệu quả chương trình. CĐR của CTĐT là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp (Bộ GD-ĐT, 2025a, Điều 2). Như vậy, CĐR là đích hướng tới của CTĐT, nên xây dựng và đánh giá mức độ đạt CĐR của CTĐT là hoạt động quan trọng trong phát triển CTĐT của các trường đại học. Đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của CTĐT là xem xét mức độ người học đã hoặc chưa đạt được CĐR sau khi người học học xong chương trình. Đây là một khâu quan trọng góp phần đảm bảo chất lượng CTĐT của ngành học nói riêng và của một trường học nói chung. Hoạt động này giúp giảng viên (GgV) có cơ sở để nhận ra những điểm mạnh, điểm hạn chế của phương thức dạy học, tự điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động dạy, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học (Nguyễn Thị Hằng Nga và cộng sự, 2025). CĐR của CTĐT có vai trò quan trọng như vậy, nhưng hiện nay chưa có nghiên cứu xây dựng CĐR trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục (QLGD) theo tiếp cận Chuẩn hiệu trưởng (CHT), thiếu vắng các nghiên cứu đánh giá mức độ đạt CĐR phục vụ cho phát triển CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo. Do vậy, căn cứ vào CHT các cơ sở giáo dục, có thể đề xuất xây dựng được CĐR cấp CTĐT trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD. Trên cơ sở CĐR cấp CTĐT được xây dựng có thể khảo sát, bài báo này đánh giá mức độ đạt CĐR trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học, góp phần điều chỉnh nội dung CTĐT, CĐR các học phần, phương thức dạy và học, hoạt động kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục

2.1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục

Mục tiêu cụ thể của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD cần bám sát, tiệm cận các tiêu chuẩn của CHT các cơ sở giáo dục (gọi chung là CHT), bao gồm: “CHT cơ sở giáo dục phổ thông” (Bộ GD-ĐT, 2018a) và “CHT cơ sở giáo dục mầm non” (Bộ GD-ĐT, 2018b). Chương trình thạc sĩ Lãnh đạo giáo dục trong hệ thống Đại học Maryland cũng được xây dựng hướng đến kiến thức, kỹ năng, phẩm chất theo các Bộ Chuẩn ISLLC (Interstate School Leaders Licensure Consortium) về cấp phép nhà lãnh đạo trường học và Chuẩn chương trình ELCC (Educational Leadership Constituent Council) về đào tạo lãnh đạo giáo dục (Fanoos và He, 2021). Như vậy, có thể xem các tiêu chuẩn quy định trong CHT tương ứng là mục tiêu cụ thể của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, các tiêu chuẩn quy định trong CHT và các mục tiêu cụ thể này là không đồng nhất, vì tiêu chuẩn quy định trong CHT là phẩm chất, năng lực hiệu trưởng phải đạt được (ở mức độ nào đó), trong khi mục tiêu cụ thể là phẩm chất, năng lực mà CTĐT hướng tới. Theo quan niệm này, có thể sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh CHT cơ sở giáo dục phổ thông với CHT cơ sở giáo dục mầm non để xác định các mục tiêu cụ thể (Program Objectives, kí hiệu là POx) của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD. Các POx của CTĐT được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Mục tiêu cụ thể của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

CHT cơ sở giáo dục phổ thông	CHT cơ sở giáo dục mầm non	Mục tiêu cụ thể			
		Các mục tiêu	Kí hiệu	Chương trình định hướng ứng dụng	Chương trình định hướng nghiên cứu
Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nghề nghiệp	Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nghề nghiệp	Có đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và tư tưởng đổi mới trong quản trị nhà trường	PO1	x	x
Tiêu chuẩn 2. Quản trị nhà trường	Tiêu chuẩn 2. Quản trị nhà trường	Quản trị tốt các hoạt động trong nhà trường	PO2	x	x
Tiêu chuẩn 3. Xây dựng môi trường giáo dục	Tiêu chuẩn 3. Xây dựng môi trường giáo dục	Có năng lực xây dựng môi trường giáo dục tốt	PO3	x	x
Tiêu chuẩn 4. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội	Tiêu chuẩn 4. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội	Có năng lực tổ chức các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	PO4	x	x
Tiêu chuẩn 5. Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin	Tiêu chuẩn 5. Sử dụng ngoại ngữ (hoặc tiếng dân tộc) và công nghệ thông tin	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong quản trị nhà trường	PO5	x	x
		Có năng lực nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn giáo dục và QLGD	PO6		x

Điều cần chú ý: PO6 không tương ứng với một tiêu chuẩn nào trong CHT, nhưng được đưa vào mục tiêu đào tạo của chương trình định hướng nghiên cứu. PO6 là khác biệt giữa đào tạo theo định hướng nghiên cứu và đào tạo theo định hướng ứng dụng.

2.1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục

Theo Bộ GD-ĐT (2017): “*CĐR (Expected Learning Outcome) là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện*” (Điều 2, mục 8). Tiếp cận CĐR như vậy tương thích với các khung trình độ, tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng quốc tế: khung ESG (ENQA, 2015) và hướng dẫn của QAA (QAA, 2018a, 2018b) yêu cầu thiết kế chương trình theo định hướng lấy người học làm trung tâm, mục tiêu/ CĐR phải được liên kết trực tiếp với hoạt động dạy học và đánh giá, đồng thời công khai các thông tin để xã hội giám sát; EQF xác định văn bằng theo CĐR gồm tri thức, kỹ năng và mức tự chủ - trách nhiệm (EHEA, 2017). CĐR của CTĐT là sự cụ thể hóa của các mục tiêu cụ thể; nói cách khác, mỗi mục tiêu cụ thể sẽ được đáp ứng bởi một số CĐR. Tương tự, trong CHT, mỗi tiêu chuẩn được cụ thể hóa thành một số tiêu chí. Tiêu chí là yêu cầu về phẩm chất, năng lực thành phần của tiêu chuẩn (Bộ GD-ĐT, 2018a, 2018b). Do vậy, khi xem các mục tiêu cụ thể của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD tương ứng với các tiêu chuẩn trong CHT, thì có thể xem các CĐR của CTĐT tương ứng với các tiêu chí của các tiêu chuẩn trong CHT. Theo phương pháp này, nếu kí hiệu CĐR cấp CTĐT là “PLOy” thì ma trận xác định CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được mô tả ở bảng 2.

Bảng 2. Ma trận xác định CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Mục tiêu cụ thể		Chuẩn đầu ra			
Mục tiêu	Kí hiệu	Nội dung CDR	Kí hiệu	Chương trình định hướng ứng dụng	Chương trình định hướng nghiên cứu
Có đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và tư tưởng đổi mới trong quản trị nhà trường	PO1	Thực hiện tốt quy định về đạo đức nhà giáo; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định về đạo đức nhà giáo trong nhà trường	PLO1	x	x
		Quan tâm đến đổi mới trong quản trị nhà trường	PLO2	x	x
		Chủ động tự học, cập nhật, phát triển kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ	PLO3	x	x
Quản trị tốt các hoạt động trong nhà trường	PO2	Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	PLO4	x	x
		Vận dụng quản trị các hoạt động chuyên môn trong nhà trường	PLO5	x	x
		Vận dụng quản trị nhân sự trong nhà trường	PLO6	x	x
		Vận dụng quản trị tổ chức, hành chính trong nhà trường	PLO7	x	x
		Vận dụng quản trị tài chính nhà trường	PLO8	x	x
		Vận dụng quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong nhà trường	PLO9	x	x
		Vận dụng quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường	PLO10	x	x
Có năng lực xây dựng môi trường giáo dục tốt	PO3	Tổ chức xây dựng văn hóa nhà trường	PLO11	x	x
		Thực hiện dân chủ cơ sở trong nhà trường	PLO12	x	x
		Chủ động xây dựng trường học an toàn, phòng, chống bạo lực học đường	PLO13	x	x
Có năng lực tổ chức các hoạt động phát triển môi quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	PO4	Tổ chức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho HS	PLO14	x	x
		Tổ chức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho HS	PLO15	x	x
		Thực hiện phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong huy động và sử dụng các nguồn lực để phát triển nhà trường	PLO16	x	x
Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường	PO5	Vận dụng tiếng Anh giao tiếp thông thường	PLO17	x	x
		Vận dụng quản trị nhà trường theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số và Bộ tiêu chuẩn trường học số	PLO18	x	x
Có năng lực nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn giáo dục và QLGD	PO6	Vận dụng thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học về QLGD	PLO19		x

2.2. Thực trạng đạt Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam

2.2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát

Dữ liệu về thực trạng thu thập tại 7/9 trường đại học có đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD tại khu vực Nam Bộ, Việt Nam (Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ). Thời điểm khảo sát: tháng 3-4/2025. Mẫu khảo sát bao gồm 558 người, với ba nhóm: nhóm CBQL gồm 21 CBQL (04 Ban Giám hiệu, 11 CBQL

khoa/phòng/ban và 6 trưởng/phó bộ môn QLGD); nhóm GgV, chuyên viên (CV) gồm 64 người (51 GgV có tham gia đào tạo ngành QLGD và 13 CV liên quan trực tiếp đến đào tạo sau đại học); nhóm học viên (HV) gồm 473 HV cao học ngành QLGD (215 HV đang học, 258 cựu HV).

Nghiên cứu sử dụng phối hợp phương pháp điều tra bằng bảng hỏi () và phương pháp phỏng vấn sâu. Bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức độ, tăng dần từ 1 điểm đến 5 điểm. Sử dụng phần mềm SPSS Statistics Version 22.0 để tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC), thứ bậc (TB) và xếp loại (XL). Về ĐTB, ở thang đo 5 mức, giá trị thấp nhất (Min) = 1 điểm; giá trị cao nhất (Max) = 5 điểm; giá trị của mỗi mức ĐTB trong khoảng: (Max - Min) : 5 = (5 - 1) : 5 = 0,8. Do vậy, thang đánh giá ĐTB (mức ý nghĩa của các giá trị trung bình) là: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$: Kém; $1,80 < \text{ĐTB} \leq 2,60$: Yếu; $2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,40$: Trung bình; $3,40 < \text{ĐTB} \leq 4,20$: Khá; $4,20 < \text{ĐTB} \leq 5,00$: Tốt. Phỏng vấn sâu: sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc, có hệ thống câu hỏi chính nhưng linh hoạt đặt thêm các câu hỏi phụ để đào sâu vấn đề; người trả lời phỏng vấn là CBQL có kinh nghiệm quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD, GgV có thâm niên cao trong giảng dạy trình độ thạc sĩ ngành QLGD, các CV trực tiếp quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD, HV và cựu HV ngành QLGD có kết quả học tập tốt. Số lượng cụ thể: 2 CBQL (mã hóa là QL1, QL2), 2 GgV (mã hóa là GgV1, GgV2), 2 CV (mã hóa là CV1, CV2), 2 HV đang học (mã hóa HV1, HV2), và 3 cựu HV (mã hóa là CHV1, CHV2, CHV3).

2.2.2. Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát mức độ đạt CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở ba nhóm: CBQL, GgV-CV và HV được ghi nhận ở bảng 3.

Bảng 3. Mức độ đạt CDR của CTĐT

Nội dung CDR	Mức độ đạt CDR (ĐTB)						
	CBQL	GgV-CV	HV	Tổng hợp			
				ĐTB	ĐLC	TB	XL
1. Thực hiện tốt quy định về đạo đức nhà giáo; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định về đạo đức nhà giáo trong nhà trường	4,29	4,28	4,30	4,30	0,51	1	Tốt
2. Quan tâm đến đổi mới trong quản trị nhà trường	4,19	3,98	4,26	4,23	0,54	3	Tốt
3. Chủ động tự học, cập nhật, phát triển kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ	4,10	4,05	4,29	4,26	0,53	2	Tốt
4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	4,05	4,06	4,22	4,20	0,52	9	Khá
5. Vận dụng quản trị các hoạt động chuyên môn trong nhà trường	4,10	4,02	4,21	4,18	0,49	12	Khá
6. Vận dụng quản trị nhân sự trong nhà trường	4,14	3,95	4,19	4,16	0,51	13	Khá
7. Vận dụng quản trị tổ chức, hành chính trong nhà trường	4,10	4,05	4,16	4,15	0,51	14	Khá
8. Vận dụng quản trị tài chính nhà trường	3,95	3,98	4,11	4,09	0,54	17	Khá
9. Vận dụng quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong nhà trường	4,00	4,13	4,21	4,19	0,54	11	Khá
10. Vận dụng quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường	4,14	4,17	4,22	4,21	0,50	8	Khá
11. Tổ chức xây dựng văn hóa nhà trường	4,10	4,08	4,25	4,23	0,57	3	Tốt
12. Thực hiện dân chủ cơ sở trong nhà trường	4,24	3,95	4,24	4,20	0,56	9	Khá
13. Chủ động xây dựng trường học an toàn, phòng, chống bạo lực học đường	4,10	4,19	4,23	4,22	0,55	5	Tốt
14. Tổ chức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho HS	4,10	4,11	4,23	4,22	0,53	5	Tốt
15. Tổ chức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho HS	4,10	4,14	4,24	4,22	0,53	5	Tốt
16. Thực hiện phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong huy động và sử dụng các nguồn lực để phát triển nhà trường.	4,14	3,94	4,18	4,15	0,56	15	Khá
17. Vận dụng tiếng Anh giao tiếp thông thường	4,05	3,66	3,90	3,88	0,68	19	Khá
18. Vận dụng quản trị nhà trường theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyên đổi số và Bộ tiêu chuẩn trường học số.	4,00	3,81	4,11	4,07	0,61	18	Khá
19. Vận dụng thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học về QLGD	4,14	3,97	4,12	4,11	0,57	16	Khá
Chung	4,11	4,03	4,19	4,17	0,55		Khá

Kết quả ghi nhận ở bảng 3 cho thấy, mức độ đạt CDR của CTĐT được đánh giá ở mức “Khá” với ĐTB chung là 4,17. ĐLC chung là 0,55 cho thấy các ý kiến trả lời khá tập trung, có độ phân tán ít, có sự đồng thuận tương đối cao trong đánh giá của các nhóm. Trong 19 nội dung của CDR được khảo sát, có 07 nội dung được đánh giá tốt, 12 nội dung được đánh giá khá. Điều này cho thấy, CTĐT đã đáp ứng được cơ bản các mục tiêu đề ra, HV sau khi tốt

ng nghiệp có năng lực khá để đáp ứng yêu cầu công việc. Tuy nhiên, kết quả này cũng cho thấy vẫn còn những vấn đề cần cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo để đạt đến mức mong muốn.

CTĐT thể hiện thế mạnh rõ rệt ở các nhóm năng lực liên quan đến đạo đức, tư duy đổi mới, phát triển bản thân và xây dựng môi trường giáo dục tích cực. Cụ thể: Năng lực đạo đức và tuân thủ quy định (nội dung 1) là CDR được đánh giá cao nhất (ĐTB 4,30; TB 1/19). Điều này chứng tỏ CTĐT khá thành công trong việc giáo dục phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp cho HV ngành QLGD. Các CDR về tư duy đổi mới trong quản trị (nội dung 2) và năng lực tự học, cập nhật kiến thức (nội dung 3) được đánh giá cao (TB 2/19 và TB 3/19) là đáng mừng và khích lệ, vì đây là những năng lực cốt lõi của CBQL giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Xây dựng văn hóa và môi trường an toàn (nội dung 11, nội dung 13), phối hợp với gia đình và xã hội trong hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho HS (nội dung 14, nội dung 15) được đánh giá “Tốt” là những điểm sáng, cho thấy chương trình chú trọng đến việc tạo dựng môi trường giáo dục nhân văn. Như vậy, có thể thấy, CTĐT đang thực hiện khá tốt việc trang bị các “năng lực mềm”, các phẩm chất và tư duy nền tảng cho người học.

Mặc dù được xếp loại “Khá”, một số CDR có thứ bậc thấp cho thấy đây là những thách thức với CTĐT, đó là các kỹ năng mang tính chuyên môn sâu, kỹ thuật và hội nhập. Năng lực tiếng Anh (nội dung 17) là CDR yếu nhất, với ĐTB 3,88 và TB 19/19; đây là một rào cản trong hội nhập quốc tế. Năng lực tiếng Anh hạn chế có thể do nhiều nguyên nhân phức tạp: chất lượng dạy học tiếng Anh trong thực tế chưa thật sự đảm bảo, môi trường sử dụng tiếng Anh còn hạn chế, động lực học tiếng Anh chưa cao, còn mang tính đối phó,... Quản trị theo xu hướng mới (nội dung 18) có thứ bậc thấp (TB 18/19) cho thấy vấn đề cập nhật năng lực quản trị nhà trường theo Bộ chỉ số chuyên đổi số (Bộ GD-ĐT, 2022), theo Bộ tiêu chuẩn công nhận Trường học số (Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, 2024) và Khung năng lực số cho người học (Bộ GD-ĐT, 2025b) chưa kịp thời hoặc chưa trang bị đủ kiến thức, kỹ năng thực tiễn về những vấn đề này. Năng lực nghiên cứu khoa học (nội dung 19) cũng được đánh giá thấp (TB 16/19), cho thấy có khoảng cách giữa lý thuyết và khả năng ứng dụng lý thuyết vào nghiên cứu giải quyết một vấn đề thực tiễn QLGD của HV. Các kỹ năng quản trị chuyên biệt như quản trị tài chính (nội dung 8), nhân sự (nội dung 6), và cơ sở vật chất (nội dung 9) dù đạt mức “Khá” nhưng có thứ bậc không cao, cho thấy đây là những lĩnh vực cần tăng cường tính thực tiễn và chuyên sâu hơn nữa. Như vậy, các kỹ năng “cứng”, đặc biệt là những kỹ năng gắn với hội nhập (tiếng Anh), công nghệ (năng lực số, chuyên đổi số, trường học số) và học thuật chuyên sâu (nghiên cứu khoa học) là những điểm yếu cần được ưu tiên cải tiến để hội nhập khu vực và quốc tế.

Sự khác biệt trong đánh giá giữa 3 nhóm (CBQL, GgV-CV, HV) mang lại góc nhìn giá trị: nhóm HV có xu hướng cho điểm cao nhất ở hầu hết các CDR (ĐTB chung: 4,19), cho thấy sự lạc quan, hài lòng của người học đối với những gì họ được trang bị trong CTĐT. Nhóm GgV-CV là nhóm có đánh giá khắt khe nhất (ĐTB chung: 4,03), họ đánh giá thấp ở các CDR như tiếng Anh (3,66) và chuyên đổi số (3,81), cho thấy họ trực tiếp tham gia đào tạo, thấu hiểu sâu sắc những hạn chế của CTĐT và năng lực thực tế của HV. Đây là nguồn thông tin phản hồi quan trọng để cải tiến CTĐT. Nhóm CBQL đánh giá ở mức giữa (ĐTB chung: 4,11), họ nhìn nhận vấn đề từ góc độ của nhà tuyển dụng hoặc người quản lý, đánh giá dựa trên hiệu quả công việc thực tế của các HV sau tốt nghiệp.

Kết quả phỏng vấn sâu về mức độ đạt CDR trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD cho thấy: 5/6 CBQL, GgV, CV nhận định: *Một cách định tính có thể cảm nhận mức độ đạt CDR trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường khác nhau là khác nhau. Tuy nhiên, có thể đánh giá chung đạt được ở mức độ khá. 4/5 HV và CHV cho rằng: Về cơ bản, sau khi kết thúc học phần, có thể nói HV đạt được CDR của các học phần; do vậy đạt được CDR của CTĐT. Các đánh giá này khá phù hợp với kết quả khảo sát bằng bảng hỏi. Một số ý kiến khác đáng chú ý: Điểm sáng giá nhất của CTĐT là hệ thống lý thuyết, lý luận cung cấp cho HV khá hoàn chỉnh. Ngược lại, hạn chế lớn nhất của CTĐT là kỹ năng vận dụng hiệu quả kiến thức đã học vào thực tiễn (QL1, GgV2, CV2, HV1, CHV1, CHV2). Cấu trúc CTĐT khá hợp lý, nhưng nội dung chi tiết các học phần chưa thật tốt: còn dàn trải, thiếu trọng tâm, chưa cập nhật tốt,... (QL1, GgV1, GgV2, CV2). Cần chú trọng nâng cao năng lực tiếng Anh, năng lực quản trị chuyên đổi số (QL2, GgV1, CV1, HV2, CHV1, CHV2). Cần tăng cường các hoạt động học tập qua dự án, case study thực tế, hoặc mời các chuyên gia từ các trường phổ thông đến chia sẻ kinh nghiệm (QL1, GgV1, CV1, GgV2, HV1, CHV3).*

Kết quả phỏng vấn sâu đã làm rõ hơn kết quả khảo sát bằng bảng hỏi. Đánh giá chung mức độ đạt CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD đạt ở mức khá, CTĐT đã đáp ứng được cơ bản các mục tiêu đề ra, HV sau khi tốt nghiệp có phẩm chất, năng lực khá để đáp ứng yêu cầu công việc. Tuy nhiên, còn một số CDR chưa đạt được như mong đợi, như năng lực ngoại ngữ, năng lực quản trị nhà trường trong bối cảnh chuyên đổi số, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực quản trị các lĩnh vực chuyên biệt như cơ sở vật chất, tài chính, nhân sự...

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ đạt CDR của CTĐT ở các trường đại học khu vực Nam Bộ được đánh giá là khá, đặc biệt đánh giá tốt về thực hiện quy định về đạo đức nhà giáo; có tư tưởng đổi mới trong quản trị nhà trường; chủ động tự học, cập nhật, phát triển kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ... nhưng vẫn còn một số hạn chế. Để đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL giáo dục, các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam cần tổ chức cập nhật CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD, cụ thể: (1) Bổ sung học phần “Năng lực số và quản trị chuyên đổi số ở cơ sở giáo dục” vào CTĐT, giúp HV đạt được các yêu cầu về năng lực số theo “Quy định Khung năng lực số cho người học” (Bộ GD-ĐT, 2025b); có năng lực tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong dạy, học và chuyên đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục theo “Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên” (Bộ GD-ĐT, 2022) và có năng lực tổ chức xây dựng trường học số; (2) Nâng cao năng lực tiếng Anh: cải tiến phương thức dạy học, tạo dựng môi trường hội nhập quốc tế...; (3) Tăng cường tính thực tiễn trong đào tạo về quản trị tài chính, nhân sự, cơ sở vật chất: tăng cường các hoạt động học tập qua dự án, case study thực tế, mời các chuyên gia từ các trường phổ thông đến chia sẻ kinh nghiệm...; (4) Tổ chức điều chỉnh, cập nhật CDR các học phần/môn học. Những định hướng này góp phần nâng cao chất lượng CTĐT, bảo đảm năng lực của HV đáp ứng tốt yêu cầu nghề nghiệp và bối cảnh đổi mới giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2016). *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học* (ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016).
- Bộ GD-ĐT (2017). *Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học* (ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017).
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông* (ban hành theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non* (ban hành theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018).
- Bộ GD-ĐT (2022). *Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên* (ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022).
- Bộ GD-ĐT (2025a). *Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học* (ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025).
- Bộ GD-ĐT (2025b). *Quy định Khung năng lực số cho người học* (ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025).
- EHEA (European Higher Education Area). (2017). *The European Qualifications Framework* (EQF brochure). <https://europass.europa.eu/system/files/2020-05/EQF%20Brochure-EN.pdf>
- ENQA (European Association for Quality Assurance in Higher Education) (2015). *Standards and Guidelines for Quality Assurance in the European Higher Education Area (ESG)*. https://ehea.info/media.ehea.info/file/ESG/00/2/ESG_2015_616002.pdf
- Fanoos, A., & He, Y. (2021). Curriculum analysis of educational leadership master’s programs in the university system of Maryland. *Educational Management Administration & Leadership*, 49(5), 841-858.
- Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thị Thanh Huyền, Đỗ Đức Quế, Đoàn Hoài Thu (2025). Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần “Xây dựng kế hoạch dạy học môn Sinh học” chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Sinh học. *Tạp chí Giáo dục*, 25(4), 18-23. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/2970>
- QAA (2018a). *UK Quality Code for Higher Education: Advice and Guidance - Assessment*. <https://www.qaa.ac.uk/docs/qaa/quality-code/advice-and-guidance-assessment.pdf>
- QAA (2018b). *Advice and Guidance: Course Design and Development*. <https://www.qaa.ac.uk/docs/qaa/quality-code/advice-and-guidance-course-design-and-development.pdf>
- Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam*.
- Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2024). *Bộ tiêu chuẩn công nhận Trường học số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh* (ban hành kèm theo Quyết định số 4418/QĐ-UBND, ngày 04/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh).